TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 25/8/2023
V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU TỈNH SƠN LA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lường Tiến Hải

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Hà Ngọc Phương.

2. Ông Lò Văn Quốc.

***- Thư ký phiên toà* :** Bà Trần Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà*:** Bà Bạc Thị Thoản - Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2023/TLST-DS ngày 17/5/2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX -ST ngày 03/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-DS ngày 21/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST-DS ngày 23/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn N**; Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Tòng Văn X**; Địa chỉ: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2023 và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu ông Phạm Văn N (nguyên đơn) trình bày :

Ngày 16/9/2019 ông Phạm Văn N cho ông Tòng Văn X vay số tiền 85.000.000 đồng. Thời hạn trả vay là ngày 30/4/2020. Khi vay tiền thì hai bên có làm giấy vay tiền, có chữ ký của các bên. Ông Phạm Văn N đã đòi nợ rất nhiều lần yêu cầu ông Tòng Văn X trả nợ nhưng vẫn không thực hiện việc trả tiền. Ông Phạm Văn N đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Tòng Văn X phải thanh toán toàn bộ tiền gốc là số tiền 85.000.000 đồng, không tính lãi. Hình thức thanh toán một lần. Đến ngày 17/5/2023 ông Tòng Văn X đã trả cho ông Phạm Văn N 10.000.000 đồng. Nay ông Phạm Văn N yêu cầu Tòa án buộc ông Tòng Văn X phải thanh toán toàn bộ tiền gốc là số tiền 75.000.000 đồng, không tính lãi. Hình thức thanh toán một lần.

Tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ ông N không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác. Ông N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho viện kiểm sát và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn ông Phạm Văn N: Ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn ông Tòng Văn X: Ông X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N. Xử buộc ông Tòng Văn X phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là: 75.000.000 đồng cho ông Phạm Văn N.

- Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tòng Văn X.

Ông Phạm Văn N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

** Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Ông Phạm Văn N có đơn khởi kiện yêu cầu Ông Tòng Văn X phải trả số tiền vay nợ. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn ông Phạm Văn N: Ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn ông Tòng Văn X: Ông X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[2].Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn N thì thấy rằng: Việc vay tiền giữa các bên có xảy ra trên thực tế, thể hiện tại tờ giấy vay tiền do bị đơn ký tên vào giấy vay tiền: Ngày 16/9/2019 vay số tiền 85.000.000 đồng. Hình thức thanh toán một lần. Đến ngày 17/5/2023 ông Tòng Văn X đã trả cho ông Phạm Văn N 10.000.000 đồng. Nay ông Phạm Văn N yêu cầu Tòa án buộc ông Tòng Văn X phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ là số tiền 75.000.000 đồng, không tính lãi. Hình thức thanh toán một lần.

Khi vay tiền thì giữa ông Phạm Văn N và ông Tòng Văn X có làm giấy vay tiền có chữ ký của các bên gồm bên cho vay tiền là ông Phạm Văn N, bên vay tiền là ông Tòng Văn X và người làm chứng là ông Lò Văn Ương. Nội dung của giấy vay tiền nêu trên phù hợp với nội dung tại bản tự khai, ông Tòng Văn X có làm giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn trả nợ vay ông Phạm Văn N số tiền là 85.000.000 đồng là đúng như nguyên đơn khai. Tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên. Đến ngày 17/5/2023 ông Tòng Văn X đã trả cho ông Phạm Văn N 10.000.000 đồng. Nguyên đơn ông Phạm

Văn N yêu cầu bị đơn ông Tòng Văn X phải thanh là 75.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, hình thức thanh toán một lần.

Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp: Nguyên đơn cung cấp 01 giấy vay tiền đề ngày 16/9/2019. Đến ngày 17/5/2023 ông Tòng Văn X đã trả cho ông Phạm Văn N 10.000.000 đồng. Do bị đơn ông X không thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận là vi phạm điều kiện thanh toán được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự đã quy định bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Văn N là có căn cứ đúng pháp luật, được pháp luật bảo vệ. Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Phạm Văn N buộc ông Tòng Văn X phải thanh toán số tiền là 75.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N được Tòa án chấp nhận toàn bộ, bị đơn ông Tòng Văn X là người có lỗi do vậy phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Tuy nhiên ông Tòng Văn X là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tòng Văn X.

Ông Phạm Văn N được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp vận dụng khoản 3 Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N. Xử buộc ông Tòng Văn X phải thanh toán toàn bộ số tiền là: 75.000.000 đồng (Bảy mươi năm triệu đồng) cho ông Phạm Văn N.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tòng Văn X.

Ông Phạm Văn N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.125.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số AA/2021/0003283 ngày 17/5/2023.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Tiến Hải